

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1 **Phòng thi:** B1.201**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 9h00**Ngày thi:** 14/12/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	Phan Đình Hoàng	23/04/1999			
2	TA0002	Đỗ Đức Kiên	24/03/1999			
3	TA0003	Nguyễn Minh Hiếu	16/09/1999			
4	TA0004	Trần Đức Soạn	11/10/1999			
5	TA0005	Nguyễn Thị Thùy	29/08/1999			
6	TA0006	Nguyễn Mạnh Quân	22/04/1999			
7	TA0007	Nguyễn Phương Uyên	11/08/1999			
8	TA0008	Lê Minh Hiếu	27/07/1999			
9	TA0009	Nguyễn Anh Minh	16/08/1999			
10	TA0010	Lê Quang Nhật	19/03/1999			
11	TA0011	Trần Hồng Hạnh	12/07/1999			
12	TA0012	Trần Thanh Tùng	19/03/1999			
13	TA0013	Nguyễn Phúc Duyệt	09/11/1995			
14	TA0014	Trần Bá Thành	19/09/1999			
15	TA0015	Trịnh Đức Hoàng	06/09/1999			
16	TA0016	Phạm Khắc Kiên	13/06/1999			
17	TA0017	Nguyễn thành Công	24/02/1999			
18	TA0018	Vương Quốc Hải	20/05/1999			
19	TA0019	Nguyễn Hoàng Văn	27/02/1998			
20	TA0020	Ngô Thế Hải	17/07/1999			
21	TA0021	Triệu Việt Anh	15/10/1996			
22	TA0022	Nguyễn Hữu Huy	13/03/1999			
23	TA0023	Trần Phương Hiệp	23/10/1999			
24	TA0024	Trần Huy Hoàng	14/01/1999			
25	TA0025	Đoàn Thị Thu Hà	03/07/1999			
26	TA0026	Lê Tùng Dương	21/09/1999			
27	TA0027	Nguyễn Hà Phương	14/11/1999			
28	TA0028	Nguyễn Đức Bảo Bảo	16/11/1999			

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
29	TA0029	Nguyễn Anh Dương	28/12/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)